TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2023
Về việc: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tài

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Phương

Ông Hoài Đức Huệ

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Trúc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa*: Bà Đặng Vân Hoàng Yến- kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 681/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2023/QĐST-NHGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 230/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị D, sinh năm 1995

Địa chỉ: tổ 10, ấp V, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Đỗ Thành D1, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Đỗ Thành D1 yêu thương, cưới nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2017, đến năm 2020 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Sau khi chung sống với nhau được nửa năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D1 không có công việc làm ổn định, không phụ giúp cho chị D tiền bạc để nuôi con. Mặt khác, anh D1 còn thường xuyên nhậu nhẹt, về nhà kiếm chuyện chửi bới, đánh đập, lấy giấy tờ tùy thân của chị D không chịu trả, chị phải nhờ công an can thiệp thì mới chịu trả. anh D1 còn đến chỗ buôn bán của chị để kiếm chuyện, gây rối. Hiện vợ chồng đã ly thân được gần nửa năm nay, anh D1 có đến bàn bạc đoàn tụ nhưng chị không đồng ý do anh D1 không thay đổi mà chứng nào tật nấy. Nay nhận thấy tình cảm không còn, không thể nào chung sống với anh D1 được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D1.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Đỗ Tấn P1, sinh ngày 19/8/2020. Từ lúc sống ly thân cho đến nay, chị là người trực tiếp nuôi con nên chị D có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu anh D1 phải cấp dưỡng do anh D1 không đi làm, không có công việc ổn định, từ trước đến nay một mình chị vẫn tự lo cho con được đầy đủ. Hiện nay chị đang bán rau và bán hải sản ở chợ P, thu nhập khoảng 10 triệu đồng/tháng nên có đủ khả năng để nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên chị D xin được vắng mặt trong các phiên tòa Tòa án xét xử vụ án.

Bị đơn anh Đỗ Thành D1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của vụ án nhưng anh D1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị D.

Về nuôi con chung: Giao 01 con chung là cháu Đỗ Tấn P1, sinh ngày 19/8/2020 cho chị D nuôi dưỡng, anh D1 không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng*: **C**hị Trần Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Đỗ Thành D1; hiện anh D1 có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xã P, huyện N, vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân cấp huyện nên Toà án nhân dân huyện N thụ lý là đúng theo quy định tại khoản 5, Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Trần Thị D vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Đỗ Thành D1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị D và anh D1.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị D và anh D1 xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai vào năm 2020 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D1 không có việc làm ổn định, thường xuyên nhậu nhẹt, không phụ giúp chị D chăm lo cho gia đình, con cái. Ngoài ra, mỗi lúc say xỉn anh D1 còn kiếm chuyện chửi bới, đánh đập và đến chỗ chị buôn bán quậy phá gây rối. Hiện nay chị D và anh D1 đã ly thân được hơn nửa năm nay, anh D1 có đến gặp chị để hòa giải đoàn tụ nhưng chị D không đồng ý vì hết tình cảm. Tòa án đã mời anh D1 tham gia phiên hòa giải để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng phía bị đơn không đến tham gia phiên hòa giải, cũng không có văn bản ý kiến nộp cho Tòa, từ đó cho thấy anh D1 không có thiện chí đoàn tụ. Mặt khác, theo lời khai của chị D thì vợ chồng đã tự sống ly thân khoảng 06 tháng nay nên việc chị D xin ly hôn là chính đáng và có cơ sở chấp nhận. Vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị D được ly hôn với anh Đỗ Thành D1.

Về con chung: Chị D và anh D1 chung sống có 01 con chung là Đỗ Tấn P1, sinh ngày 19/8/2020. Sau ly hôn, chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy việc giao con cho chị D hay anh D1 nuôi dưỡng cần phải xem xét vào điều kiện và hoàn cảnh sống của mỗi bên nhằm đảm bảo sự phát triển bình thường cho trẻ. Tuy nhiên, kể từ lúc vợ chồng sống ly thân thì chị D là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hiện cháu P1 vẫn còn nhỏ, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Do đó để giữ sự ổn định cuộc sống của trẻ cần xem xét giao cháu Đỗ Tấn P1, sinh ngày 19/8/2020 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu anh D1 phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự khai không có nên không xem xét.

[4] *Về án phí:* Chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, 35, 147, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Trần Thị D. Xử cho chị D được ly hôn anh Đỗ Thành D1.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đỗ Tấn P1, sinh ngày 19/8/2020 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh D1 không cấp dưỡng nuôi con.

Anh D1 được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi vị trí nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

4. Về án phí: chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0009618 ngày 12/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N (đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Hữu Tài

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Viện KSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.